

Số: 139/2018/QĐST–HNGĐ

B, ngày 26 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2493/2017/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Cọc Chấn K – sinh năm 1979.

Địa chỉ: 83/7, KP2, Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lìu Cầm N – sinh năm 1971

Địa chỉ: 83/7, KP2, Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lìu Cầm N và bà Cọc Chấn K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lìu Ní C, sinh ngày 13/12/2003 và Lìu Ní D sinh ngày 21/3/2005, khi ly hôn cả hai thỏa thuận giao cháu C cho ông N nuôi dưỡng, giao cháu D cho bà K nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí HNGĐ: Ông N, bà K mỗi người phải chịu 75.000đ án phí HNGĐ. Bà K tự nguyện nộp thay ông N số tiền nói trên. Toàn bộ số tiền án phí bà K phải nộp là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 003566 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B. Hoàn trả bà K 150.000 đồng.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà K, ông N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con, vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã X;
- VKSND TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Q